

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
Thuyết minh báo cáo tài chính	15 - 31

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam ("Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 99/UBCK-GP ngày 15 tháng 12 năm 2008 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Ngày 18 tháng 12 năm 2018, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy phép điều chỉnh số 105/GPĐC-UBCK cho Công ty, theo đó, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã rút nghiệp vụ Môi giới chứng khoán của Công ty. Hoạt động còn lại của Công ty theo giấy phép hoạt động tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở hoạt động theo giấy phép điều chỉnh số 02 ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Công ty là tầng 1 cao ốc Saigon Prime, số 107 Nguyễn Đình Chiểu, phường 06, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty đã thanh lý hợp đồng thuê trụ sở nêu trên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 720/QĐ/UBCK về việc rút nghiệp vụ Môi giới chứng khoán của Công ty. Ngày 17 tháng 9 năm 2018, Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 356/QĐ-SGDHCM và ngày 1 tháng 11 năm 2018, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 697/QĐ-SGDHN về việc chấm dứt tư cách thành viên với Công ty. Ngày 3 tháng 12 năm 2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã ban hành Quyết định số 162/QĐ-VSD về việc thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký của Công ty. Trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành các thủ tục thanh lý hợp đồng thuê trụ sở công ty, nhân viên, và các đối tác cung cấp dịch vụ khác của Công ty. Ngoài ra, Công ty ghi nhận khoản lỗ 6.326.318.808 VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và có khoản lỗ lũy kế 40.597.997.266 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đường Văn Tài	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2019
Ông Phạm Ngọc Chiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 2 năm 2019
Ông Hoàng Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 2 năm 2019
Ông Tong Chin Hen	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 2 năm 2019
Ông Daniel Dee Wang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 2 năm 2019
Ông Nguyễn Nhật Minh Triều	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 2 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Bùi Minh Phương Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2016
Bà Lê Thị Xuân Thanh Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2016
Bà Diệc Lê Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2010

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Dương Hoàng Linh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2019
Ông Trần Duy Quang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2019
Bà Lê Thị Hương	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2010

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 12 tháng 3 năm 2019 là Ông Trần Duy Quang, chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 12 tháng 3 năm 2019 đến ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Dương Hoàng Linh, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

SỰ KIỆN TRỌNG YẾU PHÁT SINH TRONG NĂM

Trong năm 2018, Công ty đã phát sinh những sự kiện trọng yếu như sau:

- ▶ Ngày 15 tháng 6 năm 2018, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 338/QĐ-SGDHN về việc đình chỉ hoạt động giao dịch mua cổ phiếu niêm yết và toàn bộ giao dịch cổ phiếu niêm yết từ ngày 13 tháng 7 năm 2018 với Công ty.
- ▶ Ngày 30 tháng 8 năm 2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 720/QĐ/UBCK về việc rút nghiệp vụ Môi giới chứng khoán của Công ty.
- ▶ Ngày 17 tháng 9 năm 2018, Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 356/QĐ-SGDHCM về việc chấm dứt tư cách thành viên với Công ty.
- ▶ Ngày 1 tháng 11 năm 2018, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 697/QĐ-SGDHN về việc chấm dứt tư cách thành viên giao dịch với Công ty.
- ▶ Ngày 3 tháng 12 năm 2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã ban hành Quyết định số 162/QĐ-VSD về việc thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký của Công ty.
- ▶ Ngày 18 tháng 12 năm 2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Giấy phép điều chỉnh số 105/GPĐC-UBCK về việc rút nghiệp vụ Môi giới chứng khoán của Công ty. Theo đó, hoạt động còn lại của Công ty theo giấy phép hoạt động là tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở không đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cũng như các quy định về việc lập báo cáo tài chính khi không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 như được mô tả trong *Thuyết minh*



Dương Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61000412/20885853-HVS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam ("Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 31, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, cũng như các quy định về việc lập báo cáo tài chính khi không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (Thông tư 200) như được mô tả trong *Thuyết minh 2.2* và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cũng như các quy định về việc lập báo cáo tài chính khi không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư 200 như được mô tả trong *Thuyết minh 2.2*.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến *Thuyết minh số 2.2* của báo cáo tài chính.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 720/QĐ/UBCK về việc rút nghiệp vụ Môi giới chứng khoán của Công ty. Ngày 17 tháng 9 năm 2018, Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 356/QĐ-SGDHCM và ngày 1 tháng 11 năm 2018, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 697/QĐ-SGDHN về việc chấm dứt tư cách thành viên với Công ty. Ngày 3 tháng 12 năm 2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã ban hành Quyết định số 162/QĐ-VSD về việc thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký của Công ty. Trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành các thủ tục thanh lý hợp đồng với các đối tác cung cấp dịch vụ khác của Công ty. Ngoài ra, Công ty ghi nhận khoản lỗ 6.326.318.808 VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và có khoản lỗ lũy kế 40.597.997.266 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Theo đó, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc áp dụng giả định hoạt động liên tục để lập báo cáo tài chính là không còn phù hợp và Công ty đã lập báo cáo tài chính trên cơ sở không đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính này vào ngày 12 tháng 3 năm 2018.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thủy Dương
Phó Tổng Giám Đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0893-2018-004-1

Vũ Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.604.762.388	14.092.956.152
110	I. Tài sản tài chính		9.604.762.388	13.853.878.124
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	9.564.267.070	13.330.838.160
111.1	1.1 Tiền		8.564.267.070	3.330.838.160
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000	10.000.000.000
114	2. Các khoản cho vay	6	-	98.072.535
117	3. Các khoản phải thu	7	-	85.391.666
117.2	3.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính		-	85.391.666
117.4	3.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		-	85.391.666
119	4. Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	7	-	333.175.763
122	5. Các khoản phải thu khác	7	40.495.318	6.400.000
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		-	239.078.028
131	1. Tạm ứng	8	2.210.976.986	2.000.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	-	110.160.012
134	3. Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10	-	124.399.550
135	4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	2.518.466
139	5. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	8	(2.210.976.986)	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		-	1.999.360.469
220	I. Tài sản cố định		-	1.309.721.383
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	-	1.301.402.166
222	- Nguyên giá		3.645.669.990	3.645.669.990
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.645.669.990)	(2.344.267.824)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	8.319.217
228	- Nguyên giá		2.331.441.182	2.331.441.182
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.331.441.182)	(2.323.121.965)
250	II. Tài sản dài hạn khác		-	689.639.086
252	1. Chi phí trả trước dài hạn	13.1	-	112.524.099
254	2. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13.2	-	577.114.987
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.604.762.388	16.092.316.621

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.759.654	163.995.079
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		2.759.654	163.995.079
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	-	18.013.390
322	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.660.054	59.754.326
324	3. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		99.600	1.865.850
325	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	-	83.218.284
327	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	998.000
329	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		-	145.229
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.602.002.734	15.928.321.542
410	I. Vốn chủ sở hữu		9.602.002.734	15.928.321.542
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50.200.000.000	50.200.000.000
417	2. Lỗ chưa phân phối	17.2	(40.597.997.266)	(34.271.678.458)
417.1	2.1 Lỗ đã thực hiện		(40.597.997.266)	(34.271.678.458)
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.604.762.388	16.092.316.621

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	17.1	5.020.000	5.020.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	18.1	-	43.625.740.000
021.1	- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		-	43.355.440.000
021.5	- Tài sản tài chính chờ thanh toán		-	270.300.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	18.2	-	3.500.000
022.1	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		-	3.500.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	18.3	-	816.700.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	4. Tiền gửi của khách hàng	18.4	-	1.264.902.100
029	4.1 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	1.264.902.100
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước		-	1.264.902.100
031	5. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	18.5	-	1.264.902.100
031.1	5.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		-	1.264.902.100
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	22.900

Người lập:



Lê Thị Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Dương Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
03	1. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		18.509.724	83.575.184
06	2. Doanh thu môi giới chứng khoán		203.863.890	677.898.759
09	3. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		194.294	935.000
10	4. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		40.000.000	600.000.000
11	5. Thu nhập hoạt động khác		22.368.203	61.848.486
20	Cộng doanh thu hoạt động	19	284.936.111	1.424.257.429
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
27	1. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		1.041.566.010	1.808.438.294
30	2. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		5.012.705	7.093.748
40	Cộng chi phí hoạt động	20	1.046.578.715	1.815.532.042
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		460.457.730	663.465.139
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	21	460.457.730	663.465.139
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	1. Chi phí lãi vay		-	11.060.781
60	Cộng chi phí tài chính		-	11.060.781
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ	22	5.286.676.970	3.359.866.737
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(5.587.861.844)	(3.098.736.992)
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		-	-
72	2. Chi phí khác	23	(738.456.964)	-
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(738.456.964)	-
90	VIII. TỔNG LỖ KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(6.326.318.808)	(3.098.736.992)
91	1. Lỗ đã thực hiện		(6.326.318.808)	(3.098.736.992)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)		-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
200	X. LỖ KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	17.2	(6.326.318.808)	(3.098.736.992)
500	XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	24		
501	1. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)		(1.260)	(617)

Người lập:



Lê Thị Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Dương Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B03a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền đã chi mua các tài sản tài chính		(16.039.728.500)	(65.728.056.613)
02	Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính		16.137.801.035	67.876.431.891
03	Tiền thu/(chi) Quỹ hỗ trợ thanh toán		610.332.964	(15.044.334)
05	Tiền lãi đã thu		545.849.396	719.668.242
06	Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK		-	(11.060.781)
07	Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK		(359.542.592)	(1.449.894.672)
08	Tiền chi trả cho người lao động		(1.275.308.509)	(1.536.380.916)
09	Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK		(35.388.218)	(395.000.993)
11	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.617.887.426	6.971.342.708
12	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.968.474.092)	(6.259.019.748)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(3.766.571.090)	172.984.784
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay gốc		-	47.356.161.683
33.2	Tiền vay khác		-	47.356.161.683
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(47.356.667.683)
34.3	Tiền chi trả gốc nợ vay khác		-	(47.356.667.683)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(506.000)
50	(GIẢM)/TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(3.766.571.090)	172.478.784
60	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM		13.330.838.160	13.158.359.376
61	Tiền		3.330.838.160	658.359.376
62	Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	12.500.000.000
70	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	9.564.267.070	13.330.838.160
71	Tiền		8.564.267.070	3.330.838.160
72	Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000	10.000.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B03a-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		132.306.024.300	431.277.829.200
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(133.570.926.400)	(430.768.543.800)
20	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm		(1.264.902.100)	509.285.400
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		1.264.902.100	755.616.700
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		1.264.902.100	755.616.700
33	1. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán cho khách hàng		1.264.902.100	755.616.700
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	18.4	-	1.264.902.100
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		-	1.264.902.100
44	1. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán cho khách hàng		-	1.264.902.100

Người kiểm soát:



Lê Thị Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Dương Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

B04-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
	Ngày		Năm trước		Năm nay		Ngày	
	01/01/2017 VND	01/01/2018 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2017 VND	31/12/2018 VND
A	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.200.000.000	50.200.000.000	-	-	-	-	50.200.000.000	50.200.000.000
- Vốn pháp định	50.200.000.000	50.200.000.000	-	-	-	-	50.200.000.000	50.200.000.000
- Vốn bổ sung	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Lỗ chưa phân phối	(31.172.941.466)	(34.271.678.458)	-	3.098.736.992	-	6.326.318.808	(34.271.678.458)	(40.597.997.266)
- Lỗ sau thuế đã thực hiện	(31.172.941.466)	(34.271.678.458)	-	3.098.736.992	-	6.326.318.808	(34.271.678.458)	(40.597.997.266)
TỔNG CỘNG	19.027.058.534	15.928.321.542	-	3.098.736.992	-	6.326.318.808	15.928.321.542	9.602.002.734

Người lập:

Người phê duyệt:



Lê Thị Hương
Kế toán Trưởng

Dương Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 99/UBCK-GP ngày 15 tháng 12 năm 2008 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Ngày 18 tháng 12 năm 2018, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy phép điều chỉnh số 105/GPĐC-UBCK cho Công ty, theo đó, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán của Công ty. Hoạt động còn lại của Công ty theo giấy phép hoạt động tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở hoạt động theo giấy phép điều chỉnh số 02 ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Công ty là tầng 1 cao ốc Saigon Prime, số 107 Nguyễn Đình Chiểu, phường 06, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty đã thanh lý hợp đồng thuê trụ sở nêu trên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 720/QĐ/UBCK về việc rút nghiệp vụ Môi giới chứng khoán của Công ty. Ngày 17 tháng 9 năm 2018, Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 356/QĐ-SGDHCM về việc chấm dứt tư cách thành viên với Công ty. Ngày 1 tháng 11 năm 2018, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 697/QĐ-SGDHN về việc chấm dứt tư cách thành viên giao dịch với Công ty. Ngày 3 tháng 12 năm 2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã ban hành Quyết định số 162/QĐ-VSD về việc thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký của Công ty. Trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành các thủ tục thanh lý hợp đồng với các đối tác cung cấp dịch vụ khác của Công ty. Ngoài ra, trong năm 2018, Công ty ghi nhận khoản lỗ là 6.326.318.808 VND và ghi nhận khoản lỗ lũy kế là 40.597.997.266 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang ghi nhận vốn góp điều lệ là 50.200.000.000 VND, vốn chủ sở hữu thuần là 9.602.002.734 VND.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“đồng” hoặc “VND”) phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty cũng áp dụng các quy định về việc trình bày báo cáo tài chính khi doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (xem chi tiết ở *Thuyết minh 2.2*).

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

2.2 Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở không đáp ứng giả định hoạt động liên tục

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 720/QĐ/UBCK về việc rút nghiệp vụ Môi giới chứng khoán của Công ty. Ngày 17 tháng 9 năm 2018, Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 356/QĐ-SGDHCM và ngày 1 tháng 11 năm 2018, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 697/QĐ-SGDHN về việc chấm dứt tư cách thành viên với Công ty. Ngày 3 tháng 12 năm 2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã ban hành Quyết định số 162/QĐ-VSD về việc thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký của Công ty. Trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành các thủ tục thanh lý hợp đồng với các đối tác cung cấp dịch vụ khác của Công ty. Ngoài ra, Công ty ghi nhận khoản lỗ 6.326.318.808 VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và có khoản lỗ lũy kế 40.597.997.266 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Theo đó, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc áp dụng giả định hoạt động liên tục để lập báo cáo tài chính là không còn phù hợp và Công ty đã lập báo cáo tài chính trên cơ sở không đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, Công ty phải đánh giá lại toàn bộ tài sản và nợ phải trả. Nguyên tắc đánh giá giá trị tài sản và nợ phải trả trên cơ sở không đáp ứng giả định hoạt động liên tục như sau:

Số.	Chỉ tiêu	Ghi nhận kế toán
1	Tiền gửi tại Ngân hàng	Đo lường và trình bày theo giá trị ghi sổ
2	Các khoản phải thu khác	Đo lường và trình bày theo giá trị có thể thu hồi được (giá trị ghi nhận ban đầu trừ dự phòng nợ phải thu khó đòi)
3	Các khoản tạm ứng	Đo lường và trình bày theo giá trị có thể thu hồi được (giá trị ghi nhận ban đầu trừ dự phòng nợ phải thu khó đòi)
4	Tài sản cố định ("TSCĐ")	TSCĐ đo lường theo giá thấp hơn giữa giá trị còn lại (nguyên giá trừ khấu hao lũy kế) và giá trị có thể thu hồi tại thời điểm báo cáo (là giá thanh lý trừ các chi phí thanh lý ước tính).
5	Các khoản phải trả và công nợ khác	Đo lường và trình bày theo giá trị thay thế

Công ty vẫn áp dụng các mẫu biểu báo cáo theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Các chính sách kế toán về việc ghi nhận và đo lường các tài sản và nợ phải trả nói trên được trình bày cụ thể trong *Thuyết minh số 3 – Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu*.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.6 *Số liệu so sánh đầu kỳ*

Lý do không so sánh được thông tin kỳ báo cáo và kỳ so sánh: Do kỳ trước Công ty trình bày Báo cáo tài chính theo nguyên tắc của doanh nghiệp hoạt động liên tục, kỳ báo cáo hiện tại vì Tổng Giám đốc đánh giá việc áp dụng giả định hoạt động liên tục để lập báo cáo tài chính là không còn phù hợp và Công ty đã lập báo cáo tài chính trên cơ sở không hoạt động liên tục như được trình bày trên thuyết minh 2.2.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam*

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.2 *Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3.3 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

3.4 *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản cho vay (tiếp theo)

- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên thời gian quá hạn của các khoản cho vay theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC như đã trình bày ở *Thuyết minh số 3.5* hoặc dựa trên dự phòng ước tính từ việc không chắc chắn về khả năng thu hồi của những khoản cho vay đó.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí quản lý công ty chứng khoán*" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.6 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Máy móc thiết bị	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí vật dụng văn phòng được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ một (1) đến ba mươi sáu (36) tháng vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Lợi ích của nhân viên

3.11.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.11.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác.

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ: Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau :

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Việc trích lập các quỹ còn lại do tổ chức tự quyết định.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	8.564.267.070	3.330.838.160
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	9.564.267.070	13.330.838.160

(*) Đây là khoản tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất là 4,5%/năm.

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM

	Năm nay		Năm trước	
	Khối lượng (đơn vị)	Giá trị (VND)	Khối lượng (đơn vị)	Giá trị (VND)
Của nhà đầu tư - Cổ phiếu	12.618.688	131.971.883.300	33.728.071	431.196.843.700
TỔNG CỘNG	12.618.688	131.971.883.300	33.728.071	431.196.843.700

6. CÁC KHOẢN CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Phải thu khách hàng về ứng trước tiền bán chứng khoán	-	-	98.072.535	98.072.535

7. PHẢI THU VÀ DỰ THU TIỀN LÃI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Số cuối năm Giá đánh giá lại VND	Số đầu năm Giá gốc VND	Số đầu năm Giá gốc VND
Phải thu tiền thuê văn phòng	40.495.318	40.495.318	-
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	-	-	333.175.763
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	-	85.391.666
Phải thu khác	-	-	6.400.000
TỔNG CỘNG	40.495.318	40.495.318	424.967.429

Ngày 7 tháng 1 năm 2019, Công ty đã nhận được đầy đủ khoản phải thu tại thời điểm cuối năm.

8. TẠM ỨNG

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là khoản tạm ứng nghiệp vụ cho Ông Trần Duy Quang. Công ty đánh giá khoản tạm ứng này không thể thu hồi và đã thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ khoản tạm ứng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i> <i>Giá đánh giá lại</i> <i>VND</i>	<i>Giá gốc</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Giá gốc</i> <i>VND</i>
Chi phí thuê văn phòng	-	-	110.160.012
TỔNG CỘNG	-	-	110.160.012

10. CẦM CỐ, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

	<i>Số cuối năm</i> <i>Giá đánh giá lại</i> <i>VND</i>	<i>Giá gốc</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Giá gốc</i> <i>VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	-	-	104.399.550
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	20.000.000
TỔNG CỘNG	-	-	124.399.550

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm và cuối năm	158.167.128	46.800.000	3.440.702.862	3.645.669.990
Khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	158.167.128	46.800.000	2.139.300.696	2.344.267.824
Khấu hao trong năm	-	-	654.241.705	654.241.705
Số cuối năm	158.167.128	46.800.000	2.793.542.401	2.998.509.529
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	-	1.301.402.166	1.301.402.166
Số cuối năm	-	-	647.160.461	647.160.461
Giảm do đánh giá lại tài sản (*)	-	-	(647.160.461)	(647.160.461)
Số cuối năm đã đánh giá lại	-	-	-	-

(*) Công ty đánh giá các thiết bị, dụng cụ quản lý không còn khả năng sử dụng và giá trị tài sản có thể thu hồi của các tài sản này bằng 0.

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm tin học VND</i>	<i>Tài sản vô hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm và cuối năm	2.185.441.182	146.000.000	2.331.441.182
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	2.185.441.182	137.680.783	2.323.121.965
Tăng trong năm	-	8.319.217	8.319.217
Số cuối năm	2.185.441.182	146.000.000	2.331.441.182
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	8.319.217	8.319.217
Số cuối năm	-	-	-

13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

13.1. Chi phí trả trước

	<i>Số cuối năm Giá đánh giá lại VND</i>	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Số đầu năm Giá gốc VND</i>
Chi phí trả trước dài hạn			
Chi phí nâng cấp phần mềm	-	-	62.500.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	-	39.240.581
Chi phí khác	-	-	10.783.518
TỔNG CỘNG	-	-	112.524.099

13.2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với Thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC (tiếp theo)

13.2 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán (tiếp theo)

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	284.214.581	274.355.704
Tiền lãi lũy kế đã nhận	215.977.260	182.759.283
Tiền VSD đã hoàn trả trong năm	(620.191.841)	-
TỔNG CỘNG	-	577.114.987

Ngày 3 tháng 12 năm 2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã ban hành Quyết định số 162/QĐ-VSD về việc thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký của Công ty. Theo đó, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã hoàn trả lại cho Công ty số tiền đã đóng góp và Quỹ hỗ trợ thanh toán bao gồm tiền gốc và lãi.

14. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Số đầu năm Giá gốc VND
Phải trả sở giao dịch chứng khoán	-	-	8.093.511
Phải trả Trung Tâm Lưu Ký chứng khoán Việt Nam	-	-	2.462.883
Phải trả khác	-	-	7.456.996
TỔNG CỘNG	-	-	18.013.390

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Số đầu năm Giá gốc VND
Thuế thu nhập cá nhân phải trả	2.660.054	2.660.054	59.754.326

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Số đầu năm Giá gốc VND
Các khoản chi phí phải trả khác	-	-	83.218.284

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Cổ phiếu

	Số đầu năm	Số cuối năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.020.000	5.020.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	5.020.000	5.020.000
Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông (Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu)	5.020.000	5.020.000

17.2 Lỗ sau thuế chưa phân phối

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghịệp vụ VND	Lỗ chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	50.200.000.000	-	-	(34.271.678.458)	15.928.321.542
- Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(6.326.318.808)	(6.326.318.808)
Số cuối năm	50.200.000.000	-	-	(40.597.997.266)	9.602.002.734

18. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

18.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	-	43.355.440.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	-	270.300.000
TỔNG CỘNG	-	43.625.740.000

18.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	-	3.500.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18.3 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư	-	816.700.000

18.4 Tiền của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	-	1.264.902.100
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	-	1.264.902.100
TỔNG CỘNG	-	1.264.902.100

18.5 Phải trả Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	-	1.264.902.100
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	-	1.264.902.100
TỔNG CỘNG	-	1.264.902.100

18.6 Phải trả vay công ty chứng khoán của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	-	98.072.535
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	-	98.072.535
TỔNG CỘNG	-	98.072.535

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu môi giới chứng khoán	203.863.890	677.898.759
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	40.000.000	600.000.000
Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay và phải thu	18.509.724	83.575.184
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	194.294	935.000
Doanh thu khác	22.368.203	61.848.486
TỔNG CỘNG	284.936.111	1.424.257.429

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	1.041.566.010	1.808.438.294
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.012.705	7.093.748
TỔNG CỘNG	1.046.578.715	1.815.532.042

21. DOANH THU TÀI CHÍNH

Đây là các khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng, kỳ hạn 2 tháng với lãi suất 4,5%/năm.

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí dự phòng khoản phải thu khó đòi (Thuyết minh số 8)	2.210.976.986	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.190.285.981	1.077.187.784
Chi phí nhân viên	1.029.129.801	1.267.975.398
Chi phí khấu hao tài sản cố định	591.460.711	570.486.800
Chi phí thuế, phí và lệ phí	124.608.217	112.994.757
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	40.395.693	277.001.629
Chi phí bằng tiền khác	99.819.581	54.220.369
TỔNG CỘNG	5.286.676.970	3.359.866.737

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí đánh giá lại tài sản cố định	647.160.461	-
Phạt vi phạm hành chính	70.000.000	-
Chi phí xóa sổ khác	21.296.503	-
TỔNG CỘNG	738.456.964	-

24. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.326.318.808)	(3.098.736.992)
Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.326.318.808)	(3.098.736.992)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) dùng để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu	5.020.000	5.020.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(1.260)	(617)

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất năm 2018 là 20% lợi nhuận tính thuế trong năm. (Năm 2017: 20%)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế suất thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN trong năm và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lỗ trước thuế	(6.326.318.808)	(3.098.736.992)
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (20%)	(1.265.263.762)	(619.747.398)
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
- Chi phí phạt hành chính	14.000.000	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	1.251.263.762	619.747.398
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	-	-

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại từ lỗ tính thuế do báo cáo tài chính được lập trên cơ sở không hoạt động liên tục.

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Quản trị nguồn vốn

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo đó, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 276,38%.

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:



Lê Thị Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Dương Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2019